ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC

ĐÀO THÙY CHI
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Điện lực

Nhận bài ngày 10/3/2025. Sửa chữa xong 20/3/2025. Duyệt đăng 28/3/2025.

Abstract

The application of technology in teaching has evolved significantly over the past half-century, facilitating the integration of digital educational platforms into English language instruction. Technological advancements not only offer students more creative ways to acquire knowledge compared to traditional methods but also enhance their engagement. Research findings indicate that students demonstrate greater proactivity and enthusiasm toward modern teaching approaches.

Keywords: *Information technology, digital educational platforms, English language instruction, enthusiasm, learning management system, Electric Power University.*

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên số, cuộc cách mạng công nghệ không chỉ thay đổi phương thức giao tiếp mà còn tạo tiền đề cho bước chuyển lớn trong việc dạy và học ngoại ngữ. Công nghệ thông tin (CNTT) giúp đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo cơ hội học tập sáng tạo và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức. Nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong giáo dục, đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ, ngày 25/01/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025". Bên cạnh đó, Công văn số 3946/BGDĐT-CNTT của Bộ GD&ĐT cũng nhấn mạnh nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, đồng thời bồi dưỡng kỹ năng công nghệ cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Tuy nhiên, việc triển khai thực tế vẫn gặp nhiều thách thức về khả năng tiếp cận, mức độ hiệu quả và sự thích ứng của giảng viên (GV), sinh viên (SV). Do đó, nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của CNTT trong giảng dạy Tiếng Anh và đề xuất giải pháp tối ưu để nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ trong giáo dục ngôn ngữ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm ứng dụng công nghệ thông tin

Có 5 xu hướng ứng dụng CNTT [1], [2], bao gồm: 1) Dạy học dựa trên công nghệ (technology-based) trong đó chủ yếu là CNTT; 2) Dạy học dựa trên máy tính (computer-based); 3) Dạy học dựa trên trang mạng (web-based); 4) Dạy học trực tuyến (online); 5) Dạy học từ xa (distance). Tuy nhiên, 2 trong 5 thuật ngữ trên đây có nội hàm chưa rõ ràng. Thuật ngữ "Dạy học dựa trên công nghệ" có nội hàm quá rộng, bao gồm khái niệm của các hình thức còn lại, trong khi thuật ngữ "Dạy học từ xa" với khái niệm là người dạy và người học không cùng ở một thời điểm đều đã được bao gồm trong hai thuật ngữ "dạy học trực tuyến" và "dạy học dựa trên trang mạng". Hai thuật ngữ này rất gần giống nhau vì đều chứa đựng các hình thức tương tác giữa người dạy và người học và đều dựa trên nền tảng kết nối mạng. Sự giao thoa giữa các khái niệm dẫn đến việc mơ hồ trong xác định ranh giới nội hàm các xu hướng

Email: chidt@epu.edu.vn

ứng dụng. Việc sử dụng các thuật ngữ cũng cho thấy sự giao thoa giữa các khái niệm như "e-learning", "blended learning", "hybrid" or "mixed" learning, "web-enhanced learning" and "distance learning". Các thuật ngữ trên đây đều có thể sử dụng để chỉ hiện tượng học trực tuyến và có thể sử dụng thay thế nhau. Vì vậy, việc xác định rõ nội hàm khái niệm sẽ làm sáng tỏ nội dung và đặc trưng của các xu hướng ứng dụng CNTT trong việc giảng dạy Tiếng Anh.

Trên cơ sở tham khảo các quan điểm, xuất phát từ thực tiễn ứng dụng công nghệ và những nỗ lực của các trường đại học trong việc đổi mới giảng dạy Tiếng Anh, xu hướng ứng dụng CNTT được đúc kết là: 1) Dạy học sử dụng máy tính - ứng dụng công nghệ Powerpoint, CD-ROM, phần mềm chuyên dụng không cần kết nối mạng; 2) Dạy học dựa trên trang mạng - sử dụng nền tảng 2.0 như Microsoft Teams, Zoom, Skype,… để hỗ trợ giảng dạy; 3) Dạy học trực tuyến - tích hợp hệ thống quản lý học tập (LMS) và có thể mở rộng sang thiết bị di động.

2.2. Vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Tiếng Anh

Ứng dụng CNTT vào giảng dạy Tiếng Anh đóng vai trò quan trọng trong việc khơi dậy hứng thú học tập của SV. Với sự đa dạng của các kênh cung cấp tài liệu như kênh hình, kênh chữ, kênh âm thanh sống động, khiến cho SV dễ tiếp thu hơn. Nhờ các công cụ đa phương tiện của máy tính như văn bản, đồ họa, hình ảnh, âm thanh, hoạt ảnh,.. Sự tích hợp này của máy tính cho phép mở rộng khả năng biểu diễn thông tin, nâng cao việc trực quan hóa tài liệu dạy học. Bên cạnh đó, điều này giúp GV dễ dàng thực hiện được các phương pháp sư phạm: phương pháp dạy học tình huống, dạy học nêu vấn đề, thực hiện đánh giá và lượng giá học tập toàn diện, khách quan ngay trong quá trình học, hỗ trợ tăng khả năng chủ động tham gia học tập của người học.

Ứng dụng CNTT còn thúc đẩy sự tương tác giữa người dạy và người học, khiến cho bài giảng trở nên sinh động và dễ hiểu hơn. Internet đóng vai trò như một kho tài liệu khổng lồ, hỗ trợ giảng dạy trực tuyến và giúp cả GV lẫn SV tìm kiếm, chia sẻ thông tin một cách thuận tiện. Các diễn đàn học thuật, lớp học ảo, bài giảng video hay các nền tảng dạy học trực tuyến cũng mở ra nhiều cơ hội để người học trao đổi kiến thức, tiếp cận với những phương pháp học tập tiên tiến trên thế giới.

Sử dụng các hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS) giúp tối ưu hóa quá trình giảng dạy và tiếp thu kiến thức. LMS không chỉ hỗ trợ GV nâng cao chuyên môn, rút ngắn thời gian thiết kế giáo án, xây dựng các hoạt động tương tác và kiểm soát tốt hơn cho SV mà còn giúp tạo môi trường học tập linh hoạt, cá nhân hóa lộ trình học và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức. SV có thể truy cập tài liệu ở mọi lúc, mọi nơi, chủ động ôn tập và tự đánh giá năng lực của bản thân.

Ứng dụng CNTT trong giảng dạy Tiếng Anh không chỉ giúp nâng cao chất lượng học tập mà còn trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Khi các tập đoàn đa quốc gia ngày càng yêu cầu khả năng sử dụng tiếng Anh linh hoạt trong môi trường làm việc, việc tận dụng công nghệ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp thực tiễn, làm việc nhóm từ xa và tiếp cận kho tài nguyên quốc tế trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Không chỉ dừng lại ở việc học ngôn ngữ, CNTT còn giúp SV làm quen với các công cụ hỗ trợ công việc như trình bày báo cáo trực tuyến, sử dụng phần mềm dịch thuật và các nền tảng làm việc nhóm, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động. Do đó, cần đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào giáo dục ngoại ngữ, giúp SV không chỉ giỏi về lý thuyết mà còn sử dụng tiếng Anh thành thạo trong môi trường chuyên nghiệp.

2.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên tại Trường Đại học Điện lực

2.3.1. Một số kết quả đạt được về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Tiếng Anh

Trong năm học 2023-2024, Trường Đại học Điện lực đã triển khai thêm các ứng dụng CNTT vào giảng dạy Tiếng Anh cho SV khóa D18, áp dụng cho 5 lớp học thử nghiệm. Việc tích hợp các công cụ công nghệ hiện đại không chỉ nâng cao hiệu quả giảng dạy mà còn giúp SV tiếp cận với phương pháp học tập linh hoạt, từ đó cải thiện chất lượng tiếp thu kiến thức. Một trong những công cụ quan trọng

được áp dụng là hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS). Hệ thống này hỗ trợ GV trong việc đăng tải bài giảng, tài liệu và bài tập, đồng thời giúp theo dõi tiến độ học tập của SV. Nhờ LMS, SV có thể học tập ở mọi lúc, mọi nơi, tăng cường tính chủ động trong quá trình học. Tăng tỷ lệ hoàn thành bài tập đúng hạn của SV lên tới 30% sau khi sử dụng LMS so với phương pháp truyền thống. Ngoài ra, để tăng tính tương tác trong giảng dạy, nhà trường tiếp tục triển khai sử dụng các nền tảng hội thảo trực tuyến như Zoom và Microsoft Teams để hỗ trợ GV và SV có thể tổ chức các buổi học trực tuyến, thảo luận nhóm và chia sẻ tài liệu dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, Trường Đại học Điện lực cũng ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) vào giảng dạy Tiếng Anh. Thông qua VR, SV có thể trải nghiệm môi trường giao tiếp tiếng Anh thực tế hơn, tạo điều kiện để rèn luyện kỹ năng nghe - nói một cách trực quan và sinh động. Dù mới ở giai đoạn thử nghiệm, khảo sát sơ bộ cho thấy 70% SV tham gia bày tỏ sự hứng thú với phương pháp học tập này và cảm thấy động lực hơn trong việc học Tiếng Anh. Nhìn chung, việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy Tiếng Anh tại Trường Đại học Điện lực đã mang lại những kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện khả năng tiếp thu của SV và nâng cao hiệu suất giảng dạy của GV. Đây là minh chứng rõ nét cho thấy vai trò quan trọng của công nghệ trong việc đổi mới phương pháp giáo dục, giúp SV không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn phát triển kỹ năng học tập linh hoạt trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay.

2.3.2. Một số hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Tiếng Anh

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy Tiếng Anh đã trở thành xu hướng tất yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và trang bị cho SV những kỹ năng cần thiết trong môi trường làm việc hiện đại. Trường Đại học Điện lực với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành khoa học - công nghệ đã và đang đẩy mạnh việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy ngoại ngữ. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn gặp nhiều thách thức do những hạn chế về hạ tầng, nguồn tài nguyên và kỹ năng sử dụng công nghệ của GV, SV. Những khó khăn này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan, đòi hỏi sự xem xét và điều chỉnh phù hợp để tối ưu hóa việc áp dụng công nghệ trong giáo dục ngoại ngữ.

a. Yếu tố khách quan

Trước hết, hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ và hiện đại là một trong những trở ngại lớn. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến năm 2022, vẫn có khoảng 30% trường đại học trên cả nước chưa được trang bị đầy đủ hệ thống phòng học thông minh và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy trực tuyến. Tại Trường Đại học Điện lực, mặc dù đã có những bước tiến đáng kể trong việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế. Hệ thống phòng học thông minh hiện vẫn chưa được triển khai đồng bộ trên toàn bộ các cơ sở, dẫn đến việc áp dụng công nghệ trong giảng dạy Tiếng Anh gặp khó khăn. Một số phòng học chưa được trang bị máy chiếu hoặc thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại, khiến GV gặp trở ngại trong việc trình bày nội dung số hóa. Hơn nữa, chất lượng Internet tại một số khu vực trong trường không ổn định, gây ảnh hưởng đến việc truy cập tài nguyên học tập trực tuyến cũng như việc GV thực hiện điểm danh hoặc kiểm tra bài tập trực tuyến của SV.

Một rào cản khách quan khác là sự thiếu hụt tài nguyên học tập số hóa chất lượng. Theo số liệu thống kê năm 2022 của Bộ GD&ĐT, chỉ 35% (85/244) trường đại học có thư viện điện tử đầy đủ. Nghiên cứu của Warschauer & Healey (1998) [3] cũng chỉ ra rằng việc thiếu hụt tài nguyên số không chỉ cản trở SV tiếp cận thông tin mà còn làm giảm động lực học tập và khả năng ứng dụng thực tiễn. Tại Trường Đại học Điện lực, mặc dù thư viện điện tử đã được triển khai nhưng nguồn tài liệu số hóa vẫn còn hạn chế, đặc biệt là các tài liệu tiếng Anh đạt chuẩn quốc tế. Nhiều tài nguyên chưa được số hóa hoặc chưa có hệ thống quản lý nội dung hiệu quả, khiến SV gặp khó khăn trong việc tìm kiếm và tiếp cận tài liệu học tập hiện đại. Theo Stockwell (2012) [4], sự thiếu hụt tài nguyên học tập số hóa nên SV gặp nhiều khó khăn trong việc tự học và phát triển kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt trong môi trường học tập trực tuyến. Do đó, GV Khoa Ngôn ngữ Anh nói riêng và Trường Đại học Điện lực nói chung cần nhấn mạnh sự cần thiết của việc đầu tư vào tài nguyên số hóa nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ cho SV.

b. Yếu tố chủ quan

Bên cạnh những rào cản khách quan về cơ sở hạ tầng và tài chính, hạn chế trong kỹ năng sử dụng công nghệ của GV và SV cũng là một thách thức lớn đối với việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy Tiếng Anh. Đặc biệt, với GV lớn tuổi, việc tiếp cận và làm chủ các công cụ giảng dạy số có thể gặp khó khăn do ảnh hưởng của thói quen giảng dạy truyền thống và tốc độ tiếp thu công nghệ chậm hơn. Tại Trường Đại học Điện lực, dù đã tổ chức các buổi tập huấn về ứng dụng CNTT trong giảng dạy nhưng vẫn còn một bộ phận GV chưa thành thạo sử dụng các phần mềm như LMS, Microsoft Teams hay các nền tảng tương tác trực tuyến, dẫn đến hạn chế trong việc triển khai các phương pháp giảng dạy hiện đại.

Với SV D18 - những người đang trực tiếp trải nghiệm mô hình giảng dạy có ứng dụng CNTT, kỹ năng sử dụng công nghệ không đồng đều cũng là một trở ngại đáng kể. Mặc dù đa số SV có khả năng tiếp cận với công nghệ nhưng không phải ai cũng sử dụng các công cụ học tập số một cách hiệu quả. Khảo sát nội bộ năm 2023-2024 tại Trường Đại học Điện lực cho thấy, khoảng 30% SV gặp khó khăn trong sử dụng nền tảng LMS để nộp bài tập và theo dõi tiến độ học tập. Bên cạnh đó, một số SV chưa thực sự chủ động khai thác các tài nguyên học tập số, dẫn đến tình trạng tiếp thu kiến thức chưa tối ưu. Ngoài ra, tâm lý e ngại thay đổi cũng là một rào cản trong việc tiếp cận mô hình học tập ứng dụng CNTT. Một số SV vẫn quen với phương pháp học truyền thống và chưa sẵn sàng thích nghi với các nền tảng trực tuyến hoặc phần mềm hỗ trợ. Khảo sát tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Điện lực vào năm 2022 cho thấy 30% SV vẫn ưu tiên cách học truyền thống hơn so với việc tích hợp công nghệ, chủ yếu do gặp khó khăn trong việc tự quản lý thời gian và duy trì động lực tự học. Theo Chapelle (2001) [5], việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy ngoại ngữ chỉ thực sự hiệu quả khi SV có thái độ tích cực và kỹ năng tự học tốt. Nếu thiếu sự hướng dẫn và kiểm soát hợp lý, công nghệ có thể trở thành rào cản thay vì công cụ hỗ trợ học tập. Những vấn đề trên cho thấy, dù công nghệ mang lại nhiều lợi ích trong giảng dạy Tiếng Anh nhưng nếu không có chiến lược triển khai và hỗ trợ phù hợp nó có thể trở thành con dao hai lưỡi, làm giảm hiệu quả học tập thay vì giúp SV phát triển toàn diện. Do đó, cần có các chính sách đào tạo bài bản và cơ chế hỗ trợ phù hợp từ phía nhà trường giúp GV và SV D18 tối ưu hóa việc sử dụng CNTT trong giảng dạy và học tập.

2.4. Một số phương pháp ứng dụng công nghệ hiệu quả trong giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Điện lực

Trong bối cảnh chuyển đổi số, công nghệ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong giáo dục, đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ. Việc áp dụng các công cụ hiện đại không chỉ giúp đổi mới phương pháp truyền đạt mà còn tăng cường tương tác, nâng cao hiệu quả tiếp thu của người học. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa lợi ích này cần có những phương pháp ứng dụng phù hợp với điều kiện thực tế.

2.4.1. Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ số trong giảng dạy

Việc đầu tư và nâng cấp hệ thống CNTT đóng vai trò cốt lõi trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ. Trước hết, cần triển khai đồng bộ hệ thống phòng học thông minh với bảng tương tác, máy chiếu, hệ thống âm thanh và đường truyền Internet ổn định, giúp GV có thể trình bày nội dung số hóa một cách hiệu quả. Song song với đó, việc nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ, đảm bảo tốc độ truy cập tài nguyên trực tuyến sẽ hỗ trợ GV và SV khai thác tối đa các công cụ học tập số.

Bên cạnh đó, theo Jabbar Al Muzzamil Fareen (2022) [6], LMS đóng vai trò trung tâm trong giáo dục hiện đại, giúp "tối ưu hóa việc học trực tuyến và các hoạt động dạy học dựa trên hệ thống quản lý học tập." Do đó, nhà trường và GV đầu tư vào nâng cao nền tảng học tập trực tuyến (LMS) cần được chú trọng, bởi nó không chỉ hỗ trợ GV tổ chức bài giảng trực tuyến một cách hiệu quả mà còn giúp SV dễ dàng tiếp cận tài liệu học tập ở mọi lúc, mọi nơi.

2.4.2. Phát triển và số hóa tài nguyên học tập Tiếng Anh

Để khắc phục tình trạng thiếu hụt tài nguyên học tập số hóa cần xây dựng hệ thống thư viện điện tử với nguồn tài liệu tiếng Anh phong phú, bao gồm sách giáo trình số, bài giảng đa phương tiện, video

tương tác và các bài tập thực hành có thể truy cập trực tuyến. Việc hợp tác với các nền tảng học tập trực tuyến quốc tế như Coursera, EdX hoặc British Council có thể giúp SV tiếp cận với tài liệu đạt chuẩn quốc tế, nâng cao chất lượng học tập. Ngoài ra, việc phát triển kho tài nguyên học tập mở (OER) do chính GV biên soạn sẽ giúp SV có thêm nguồn tham khảo đáng tin cậy, phù hợp với chương trình đào tạo của nhà trường.

2.4.3. Đào tạo và nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập

Việc nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ của GV và SV là yếu tố quan trọng để tối ưu hóa quá trình ứng dụng CNTT vào giảng dạy ngoại ngữ. Vì vậy, cần tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu dành cho GV về phương pháp giảng dạy kết hợp (blended learning), cách khai thác hiệu quả nền tảng LMS, Microsoft Teams và các công cụ hỗ trợ giảng dạy số như Kahoot, Quizizz, Nearpod. Đối với GV lớn tuổi, việc tổ chức các buổi hướng dẫn trực tiếp, kết hợp với mô hình "đào tạo đồng nghiệp" (peer training) có thể giúp họ thích nghi nhanh hơn với công nghệ.

Về phía SV, cần xây dựng các chương trình hướng dẫn kỹ năng học tập số, giúp họ làm chủ các nền tảng học tập trực tuyến, khai thác hiệu quả tài nguyên số và nâng cao khả năng tự học. Việc ứng dụng gamification (trò chơi hóa) trong học tập, kết hợp với mô hình học tập theo nhóm trên nền tảng trực tuyến sẽ giúp SV nâng cao động lực học tập và khả năng tiếp thu kiến thức.

2.4.4. Xây dựng cơ chế hỗ trợ và khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy

Để đảm bảo quá trình triển khai CNTT trong giảng dạy đạt hiệu quả lâu dài cần có chính sách hỗ trợ GV và SV trong việc ứng dụng công nghệ. Trước hết, nhà trường cần xây dựng hệ thống đánh giá mức độ ứng dụng CNTT trong giảng dạy của GV, từ đó có các chính sách khen thưởng, khuyến khích phù hợp. Việc tổ chức các cuộc thi sáng tạo giảng dạy bằng CNTT sẽ giúp GV chủ động hơn trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, cần thành lập trung tâm hỗ trợ công nghệ giáo dục (Educational Technology Support Center) đóng vai trò tư vấn và hướng dẫn GV, SV trong quá trình sử dụng các công cụ giảng dạy số và có thể triển khai các chương trình hỗ trợ cá nhân hóa, giúp GV giải quyết các khó khăn cụ thể trong việc tích hợp CNTT vào bài giảng.

2.4.5. Thay đổi nhận thức và tạo động lực học tập số cho sinh viên

Bên cạnh các giải pháp về công nghệ cần có chiến lược thay đổi nhận thức của SV về lợi ích của học tập trực tuyến. Việc tổ chức các hội thảo chuyên đề về kỹ năng học tập số, mời các chuyên gia và cựu SV thành công chia sẻ kinh nghiệm sẽ giúp SV hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của công nghệ trong việc nâng cao năng lực ngoại ngữ. Hơn nữa, việc triển khai hệ thống cố vấn học tập trực tuyến (e-tutoring) với sự tham gia của GV và SV giỏi sẽ giúp các SV yếu kém có thêm sự hỗ trợ trong quá trình học tập. Đồng thời, xây dựng các nhóm học tập trực tuyến trên nền tảng LMS hoặc mạng xã hội học tập như Edmodo, Google Classroom sẽ giúp SV chủ động hơn trong việc trao đổi kiến thức và rèn luyện kỹ năng tiếng Anh.

2.4.6. Đánh giá hiệu quả và cải tiến liên tục

Như vậy, ứng dụng CNTT vào giảng dạy Tiếng Anh cần có cơ chế đánh giá thường xuyên để điều chỉnh và cải tiến phù hợp. Cần triển khai hệ thống khảo sát ý kiến GV và SV về mức độ hiệu quả của các công cụ học tập số, từ đó đưa ra các điều chỉnh kịp thời. Đồng thời, việc thiết lập bộ chỉ số đánh giá (KPIs) về mức độ ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, kết hợp với sự hợp tác cùng các chuyên gia giáo dục công nghệ để nghiên cứu và áp dụng các mô hình giảng dạy tiên tiến trên thế giới sẽ góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy ngoại ngữ tại Trường Đại học Điện lực.

3. Kết luận

Thực tế cho thấy, ứng dụng CNTT trong giảng dạy Tiếng Anh không chỉ là xu hướng mà đã trở thành một yêu cầu tất yếu, mở ra những cơ hội học tập mới và hiệu quả hơn cho cả GV và SV. Với sự hỗ trợ của công nghệ, GV không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn có thể tạo ra những giờ học sinh động, cuốn hút, đưa người học vào một không gian tri thức rộng lớn với vô số tài nguyên phong phú và những kết nối thực tế từ khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên, để công nghệ thực sự trở thành một công cụ đắc lực trong giảng dạy, việc trang

bị kỹ năng sử dụng công nghệ cho GV đóng vai trò quan trọng. Khi GV nắm vững các công cụ hỗ trợ giảng dạy số, họ có thể linh hoạt kết hợp công nghệ vào bài giảng, giúp SV không chỉ tiếp thu kiến thức một cách chủ động mà còn rèn luyện tư duy sáng tạo và khả năng tự học suốt đời. Với khuôn khổ của bài nghiên cứu này, tác giả hy vọng rằng những đề xuất về ứng dụng CNTT sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy Tiếng Anh, xây dựng môi trường học tập đa chiều, sáng tạo và hội nhập. Đồng thời, việc triển khai công nghệ một cách hợp lý và đồng bộ không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển và hội nhập quốc tế của nền giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Văn Biểu (2012), *Một số vấn đề về đào tạo trực tuyến (E-learning)*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm, TP. Hồ Chí Minh, số 40, tr. 86-90.

[2] Hồ Thị Kiều Oanh (2015), *Nghiên cứu thực trạng sử dụng một số trang mạng phổ biến trong việc tự học Tiếng Anh của sinh viên chuyên Anh năm thứ ba tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng,* Đề tài cấp cơ sở mã số: T2015-05-12.

[3] Mark Warschauer & Deborah Healey (1998), *Computers and Language Learning: An Overview (Máy tính và việc học ngôn ngữ: Tổng quan)*, Cambridge University Press (NXB Đại học Cambridge).

[4] Glenn Stockwell (2012), *Computer-Assisted Language Learning: Diversity in Research and Practice (Học ngôn ngữ có sự hỗ trợ của máy tính: Sự đa dạng trong nghiên cứu và thực tiễn)*, Cambridge University Press (NXB Đại học Cambridge).

[5] Carol A. Chapelle (2003), *English Language Learning and Technology: Lectures on Applied Linguistics in the Age of Information and Communication Technology (Học Tiếng Anh và công nghệ: Những bài giảng về ngôn ngữ học ứng dụng trong thời đại công nghệ thông tin và truyền thông)*, John Benjamins Publishing (NXB John Benjamins).

[6] Jabbar Al Muzzamil Fareen (2022), *Digital Learning in Higher Education: A road to transformation and reform (Học tập số trong giáo dục đại học: Con đường dẫn đến chuyển đổi và cải cách)*, European Journal of Interactive Multimedia and Education (Tạp chí Giáo dục Đa phương tiện và Tương tác Châu Âu), 3 (1), e02206, https://www.ejimed.com.

GIAO THOA VĂN HÓA KHEN VÀ TIẾP NHẬN...

Tiếp theo trang 180

5. Kết luận

Sự khác biệt trong cách tiếp nhận lời khen giữa SV nước ngoài và SV Việt Nam không chỉ phản ánh sự đa dạng văn hóa mà còn là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ liên văn hóa giữa các quốc gia khác nhau. Việc hiểu và tôn trọng sự khác biệt này không chỉ giúp cải thiện kỹ năng giao tiếp mà còn thúc đẩy một môi trường học tập hòa nhập và phát triển bền vững. Nhìn chung, sự phản hồi lời khen của người Việt Nam có mức độ khác biệt cao với phản hồi lời khen của người nước ngoài. Trái ngược với chiến lược sử dụng chủ yếu là chấp nhận, người Việt Nam phản ứng đa dạng hơn, đáp lại lời khen bằng nhiều hình thức khác nhau có thể là trực tiếp hoặc là gián tiếp, đáp lại bằng ngôn ngữ cụ thể hoặc phi ngôn ngữ (các điệu bộ cử chỉ). Sự lựa chọn kết hợp của họ trong các tình huống nhập vai được ghi lại với tần suất cao. Những phát hiện tỉ mỉ hơn về ảnh hưởng của giới tính, địa vị xã hội và chủ đề cũng cho thấy một mức độ khác biệt nhất định trong cách khen và tiếp nhận lời khen của người nước ngoài và người Việt Nam. Khen và tiếp nhận lời khen là một nét đẹp trong giao tiếp hằng ngày của con người, chính vì thế mà chúng ta nghiên cứu từ các nền văn hóa khác nhau để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt, từ đó người học có thể tránh được những hiện tượng như sốc văn hóa trong giao tiếp.

Tài liệu tham khảo

[1] Diệp Quang Ban (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2] Thái Duy Bảo (2002), *Một số vấn đề giao thoa văn hóa của nghi thức lời nói trong ngôn ngữ văn hóa giao tiếp*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3] Đỗ Hữu Châu (1995), *Giản yếu về ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4] Austin,J.L (1962), *How to do things with words (Làm thế nào để thực hiện mọi việc bằng lời nói).* Cambridge university press (NXB Đại học Cambridge).

[5] Cook G. (1990), *Discorse (Diễn ngôn),* Oxford University Press (NXB Đại học Oxford).

[6] Geis M.(1988), *Speech acts and Conversational interaction (Hành vi nói và tương tác đàm thoại),* Cambridge University Press (NXB Đại học Cambrige).

[7] Kramsch C., (1998), *Language and culture (Ngôn ngữ và văn hóa),* Oxford University Press (NXB Đại học Oxford).